

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt.

Ông Tô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐ-ST ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh ngày 25/5/1987 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 21, ngõ 66, đường H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Cộng hòa liên bang Nga).

Chị Đỗ Thị T ủy quyền cho chị Đỗ Thị T1, sinh ngày 29/01/1989; Địa chỉ: Số nhà 10, ngách 4, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nhận và nộp thay các giấy tờ đối với Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Thân Ngọc D, sinh ngày 14/02/1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 21, ngõ 66, đường H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh D được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 07/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nơi anh D đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị về nhà anh D làm dâu ngay vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị bỏ về nhà đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Ngày 13/9/2018 chị đi lao động tại Nga. Nay chị về thăm gia đình và làm thủ tục ly hôn với anh D. Kể từ năm 2014 đến nay chị và anh D không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Thân Ngọc D.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Thân Đức A, sinh ngày 22/5/2005 và cháu Thân Thiên Â, sinh ngày 12/11/2013. Hiện nay 02 cháu đang sinh sống cùng anh D. Chị đề nghị giao con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Cấp dưỡng nuôi con chung anh, chị tự thỏa thuận. Trường hợp anh D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị đề nghị mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị Đơn anh Thân Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Thân Đức A, sinh ngày 22/5/2005 và cháu Thân Thiên Â, sinh ngày 12/11/2013. Hiện nay 02 cháu đang sinh sống cùng anh. Anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Thân Đức A và Thân Thiên Â có đơn trình bày: Các cháu hiện đang ở cùng bố, được bố chăm sóc nuôi dưỡng tốt, vì vậy nếu bố mẹ các cháu ly hôn các cháu xin ở cùng bố.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị T, anh Thân Ngọc D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Đỗ Thị T, anh Thân Ngọc D và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Đỗ Thị T, bị đơn anh Thân Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị T, anh D là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T. Xử cho chị T được ly hôn anh Thân Ngọc D.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Thân Đức A, sinh ngày 22/5/2005 và cháu Thân Thiên Ân, sinh ngày 12/11/2013 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Công văn trả lời số 15224/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 25/7/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị Đỗ Thị T xuất nhập cảnh 05 lần, lần nhập cảnh gần nhất ngày 25/4/2022 và xuất cảnh gần nhất là ngày 27/6/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó chị T được xác định là đang cư trú tại nước ngoài. Chị T và anh D đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Chị Đỗ Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Thân Ngọc D và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”. Do vụ án có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T, bị đơn anh Thân Ngọc D đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị T và anh Thân Ngọc D.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Thân Ngọc D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị T, anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn nhau.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị T với anh Thân Ngọc D. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh D chung sống với nhau hòa thuận. Năm 2014 anh, chị phát sinh mâu thuẫn nên chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó đi lao động tại Cộng hòa Liên bang Nga. Kể từ năm 2014 đến nay anh D và chị T không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh D, chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn nhau. Do đó, có căn cứ xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T và anh D được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là Thân Đức A, sinh ngày 22/5/2005 và cháu Thân Thiên Â, sinh ngày 12/11/2013. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng anh D và do anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị T đề nghị giao con chung cho anh D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao cho anh D nuôi con chung của chị T: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị T đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T từ khi đi nước ngoài đến nay cháu Thân Đức A, Thân Thiên Â vẫn do anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Ngoài ra, cháu A, cháu Â trên 07 tuổi trình bày có nguyện vọng được ở cùng bố. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T đối với yêu cầu giao cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung sau khi ly hôn. Nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho anh D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung. Sau khi ly hôn chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Đỗ Thị T về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị T, anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Thân Ngọc D.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Thân Đức A, sinh ngày 22/5/2005 và cháu Thân Thiên Ân, sinh ngày 12/11/2013 cho anh Thân Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Đỗ Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000492 ngày 28/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Thân Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

